TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ Đ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **168**/2024/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 21 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm: 1992; Địa chỉ: K94/2 Nguyễn Công T, tổ D, phường A, quận S, thành phố Đ.

- Bị đơn: **Ông Nguyễn Minh T1**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: 15 P, tổ C, phường M, quận S, thành phố Đ.

Hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Đ, thành phố Đ, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị N và ông Nguyễn Minh T1 *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa* bà *Phan Thị N và ông Nguyễn Minh T1 nên Giấy chứng nhận kết hôn số:88 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đ cấp ngày 27/8/2010 không còn giá trị pháp lý).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị N và ông Nguyễn Minh T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị N và ông Nguyễn Minh T1 xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh N1, sinh ngày 21/01/2011. Ly hôn bà N và ông T1 thống nhất và thỏa thuận giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị N và ông Nguyễn Minh T1 xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Phan Thị N và ông Nguyễn Minh T1 xác định vợ chồng không có nợ chung.

- Về án phí : Án phí HNGĐ sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Phan Thị N phải chịu 75.000đ. Ông Nguyễn Minh T1 phải chịu 75.000đ nhưng bà Phan Thị N tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ theo biên lai số 0003053 ngày 30 tháng 10 năm 2023. Hoàn trả lại cho bà N 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường A, quận S;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung